

Số: 13/KH-LQĐ

Hà Lam, ngày 09 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH
Kiểm tra cuối học kì II - Năm học 2023-2024

Căn cứ Công văn số 1955/SGDDĐT-GDTrH ngày 25/8/2023 của Sở GDĐT Quảng Nam về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024 và Công văn số 2018/SGDDĐT-GDTrH ngày 31/8/2023 của Sở GDĐT Quảng Nam về việc hướng dẫn dạy học ngoại ngữ năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 3024/SGDDĐT-GDTrH ngày 08/12/2023 của Sở GDĐT Quảng Nam về việc hướng dẫn tổ chức kiểm tra cuối kì cấp THCS năm học 2023-2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 181/PGDDĐT ngày 13/9/2023 của phòng GDĐT Thăng Bình hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục cấp THCS năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 286/PGDDĐT ngày 16/12/2023 của phòng GDĐT Thăng Bình về việc hướng dẫn tổ chức kiểm tra cuối kỳ cấp THCS năm học 2023-2024;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-LQĐ ngày 27/9/2023 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2023-2024.

Trường THCS Lê Quý Đôn xây dựng kế hoạch kiểm tra cuối học kì II năm học 2023-2024 như sau:

1. Yêu cầu

- Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng quy định, đảm bảo tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan;

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông (đối với lớp 6,7,8); không kiểm tra đánh giá đối với các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông (đối với lớp 9);

- Bố trí thời gian kiểm tra phù hợp, đảm bảo không gây áp lực, quá tải đối với học sinh;

- Tổ chức họp nhận xét, đánh giá công tác ra đề (ma trận, đặc tả đề, đề kiểm tra dựa trên kết quả kiểm tra).

2. Hình thức, nội dung, thời gian làm bài kiểm tra

2.1. Đối với lớp 6, 7, 8

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá cuối kì II theo đúng hướng dẫn trong Chương II của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT về quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

- Nội dung kiểm tra của các môn phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo từng môn học;

- Giới hạn chương trình: từ tuần 19 đến tuần 31 thực học.

a) Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp với điểm số được thực hiện cụ thể như sau:

- Hình thức đề kiểm tra: trắc nghiệm kết hợp với tự luận;

- Môn Tiếng Anh: kiểm tra và đánh giá thực hiện theo hướng dẫn trong Công văn số 2018/SGDĐT-GDTrH ngày 31/8/2023 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam về việc Hướng dẫn dạy học ngoại ngữ năm học 2023-2024; kiểm tra 5 nội dung gồm 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ; tỉ lệ điểm của từng nội dung là 20% *(tỉ lệ này có thể được điều chỉnh trong khoảng 5% tùy theo tình hình của từng nhà trường;*

- Môn Khoa học tự nhiên (KHTN): bài kiểm tra, đánh giá cuối kì được xây dựng gồm nội dung của các chủ đề đã thực hiện theo kế hoạch dạy học, bảo đảm tỉ lệ phù hợp với nội dung, thời lượng dạy học của mỗi phân môn và chủ đề chung;

- Môn Lịch sử - Địa lí: bài kiểm tra, đánh giá cuối kì được thực hiện theo từng phân môn gồm nội dung của các chủ đề đã thực hiện theo kế hoạch dạy học. Tỉ lệ điểm của mỗi phân môn là 50%;

- Môn Ngữ văn: đề kiểm tra theo hình thức tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm với tự luận. Đề kiểm tra gồm 2 phần: Đọc hiểu và Làm văn:

+ Phần Đọc hiểu (6,0 điểm) theo 1 trong 2 hình thức sau:

* Kiểm tra theo hình thức tự luận gồm 8 câu hỏi/yêu cầu: Nhận biết (3 câu: 1,5 điểm), thông hiểu (3 câu: 3,0 điểm), vận dụng (1 câu: 1,0 điểm), vận dụng cao (1 câu: 0,5 điểm);

* Kiểm tra theo hình thức kết hợp trắc nghiệm với tự luận gồm 10 câu hỏi/yêu cầu. Trong đó, có 7 câu trắc nghiệm khách quan gồm: nhận biết (4 câu: 2,0 điểm), thông hiểu (3 câu: 1,5 điểm) và 3 câu tự luận gồm: thông hiểu (1 câu: 1,0 điểm), vận dụng (1 câu: 1,0 điểm), vận dụng cao (1 câu: 0,5 điểm);

+ Phần Làm văn (4,0 điểm): kiểm tra theo hình thức tự luận gồm 1 câu hỏi/yêu cầu, phân chia theo các mức độ nhận thức: nhận biết (1,0 điểm), thông hiểu (1,5 điểm), vận dụng (1,0 điểm), vận dụng cao (0,5 điểm);

+ Nội dung kiểm tra: sử dụng ngữ liệu đọc hiểu là văn bản ngoài sách giáo khoa có hình thức thể loại, mức độ kiến thức tương đương với các loại văn bản

đã học, chứa đựng các thông tin, nội dung phù hợp để kiểm tra theo các *yêu cầu cần đạt* trong chương trình Ngữ văn. Phần Làm văn, giáo viên cần lựa chọn kiểu bài, nội dung làm văn phù hợp với chương trình Ngữ văn của lớp học. Chú ý tránh dùng lại các văn bản đã học trong sách giáo khoa làm ngữ liệu (nếu có) để viết bài làm văn.

b) Đối với các môn/nội dung đánh giá bằng nhận xét thực hiện cụ thể như sau:

- Hình thức đề kiểm tra: căn cứ vào điều kiện thực tế nhà trường và đặc điểm của từng môn học có thể thực hiện thông qua bài thực hành, sản phẩm học tập hoặc dự án học tập (*phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học*);

- Môn Nghệ thuật: khuyến khích thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài thực hành, sản phẩm học tập hoặc dự án học tập; bài kiểm tra, đánh giá định kì bao gồm hai nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được thực hiện riêng theo từng nội dung tương tự như môn học đánh giá bằng nhận xét; kết quả bài kiểm tra, đánh giá định kì được đánh giá mức Đạt khi cả hai nội dung Âm nhạc, Mĩ thuật được đánh giá mức Đạt;

- Nội dung Giáo dục của địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: bài kiểm tra, đánh giá định kì được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, nội dung kiểm tra, đánh giá bao gồm nội dung các chủ đề đã dạy học;

- Môn Giáo dục thể chất: căn cứ vào đặc điểm môn học và điều kiện nhà trường để thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài kiểm tra, bài thực hành,

c) Thời gian làm bài kiểm tra:

- Môn Toán, Ngữ văn: 90 phút.

- Môn Tiếng Anh, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp: 60 phút.

- Các môn/nội dung còn lại: 45 phút.

2.2. Đối với lớp 9

a) Nội dung kiểm tra:

- Nội dung kiểm tra của các môn phải đảm bảo phù hợp với chuẩn kiến thức, kĩ năng và mục tiêu giáo dục của từng môn học;

- Không kiểm tra, đánh giá đối với những nội dung được hướng dẫn: *không dạy; đọc thêm; không làm; không thực hiện; không yêu cầu; khuyến khích học sinh tự đọc/ tự học/ tự làm/ tự thực hiện/ tự tìm hiểu*;

- Giới hạn chương trình: từ tuần 19 đến tuần 31 thực học.

- * Đối với môn Toán: gồm cả hai phân môn Đại số và Hình học.

b) Hình thức đề kiểm tra:

- Môn Tiếng Anh: kiểm tra và đánh giá theo đúng hướng dẫn trong Công văn số 2018/SGDDĐT-GDTrH ngày 31/8/2023 của Sở GDĐT tỉnh Quảng Nam về việc Hướng dẫn dạy học ngoại ngữ năm học 2023-2024;

- Môn Ngữ văn: đề kiểm tra theo hình thức tự luận, gồm 2 phần: Đọc hiểu và Làm văn:

+ Phần Đọc hiểu (5,0 điểm) gồm 6 câu hỏi/yêu cầu: nhận biết (4 câu: 3,0 điểm), thông hiểu (1 câu: 1,0 điểm), vận dụng (1 câu: 1,0 điểm);

+ Phần Làm văn (5,0 điểm) gồm 1 câu hỏi/yêu cầu, phân chia theo các mức độ nhận thức: nhận biết (1,0 điểm), thông hiểu (2,0 điểm), vận dụng (1,0 điểm), vận dụng cao (1,0 điểm);

+ Nội dung kiểm tra: khuyến khích sử dụng ngữ liệu đọc hiểu là các văn bản ngoài sách giáo khoa có hình thức thể loại, mức độ kiến thức tương đương với các loại văn bản đã học; chứa đựng các thông tin, nội dung cần kiểm tra phù hợp với chương trình Ngữ văn của lớp học. Phần Làm văn, lựa chọn kiểu bài làm văn phù hợp với chương trình đã học;

- Môn Thể dục, Âm nhạc, Mĩ thuật: căn cứ vào đặc điểm từng môn học và điều kiện nhà trường để thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì thông qua bài kiểm tra, bài thực hành, sản phẩm học tập hoặc dự án học tập;

- Các môn còn lại theo hình thức trắc nghiệm kết hợp với tự luận.

c) Thời gian làm bài kiểm tra:

Môn Toán, Ngữ văn: 90 phút. Các môn còn lại: 45 phút.

3. Mức độ nhận thức, tỉ lệ điểm các phần của các môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp điểm số (theo phụ lục đính kèm).

4. Thẩm quyền ra đề

Nhà trường ra đề tất cả các môn học.

5. Phân công ra đề kiểm tra

- Giáo viên được phân công giảng dạy môn, phân môn khối lớp nào ra đề môn, phân môn khối lớp đó. *(Có phụ lục phân công ra đề kiểm tra cuối học kỳ II kèm theo)*

- Đề kiểm tra giáo viên căn cứ vào ma trận, bảng đặc tả đã được thảo luận, thống nhất trong cuộc sinh hoạt chuyên môn nhóm, tổ làm căn cứ ra đề và giáo viên chịu trách nhiệm tính chuẩn xác, bảo mật đề của mình. Ban giám hiệu sẽ chọn ngẫu nhiên một bộ đề để làm đề kiểm tra.

- Mỗi đề kiểm tra được ra dưới dạng 2 mã đề A, B có mức độ kiến thức tương đương nhau.

- Hạn cuối nộp ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra và hướng dẫn chấm qua địa chỉ email: thcslequydontb@gmail.com ngày 19/4/2024 (đặt tên đầy đủ: Môn lớp_học kì_năm học_tên GV, ví dụ: Địa9_HK1_23-24_Thang; và ma trận, bản đặc tả, đề và hướng dẫn chấm đi kèm 1 file).

6. Tổ chức kiểm tra

- Thành lập ban ra đề, ban làm phách, coi, chấm bài kiểm tra;
- Mỗi khối được sắp xếp danh sách học sinh theo thứ tự a,b,c, mỗi phòng không quá 25 học sinh;
- Toàn trường có 54 phòng kiểm tra, cụ thể: Khối 6: 16 phòng, khối 7: 14 phòng, khối 8: 10 phòng, khối 9: 14 phòng
- Có biên bản kiểm tra từng buổi.

7. Lịch kiểm tra

- Kiểm tra theo lịch chung toàn trường từ tuần 33 đến tuần 34 (từ ngày 29/4/2024 đến 11/5/2024). *(Có phụ lục lịch kiểm tra cuối học kỳ II kèm theo)*
- Riêng các môn/nội dung đánh giá bằng nhận xét: Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật, GDDP, HĐTNHN: giáo viên giảng dạy lớp nào tự bố trí học sinh kiểm tra theo tiết học nhưng không trùng thời gian kiểm tra theo lịch chung.

8. Phân công coi kiểm tra

(Có phụ lục coi kiểm tra cuối học kỳ II kèm theo)

9. Hình thức chấm kiểm tra

Nhà trường làm phách, cắt phách, chấm chéo các môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lý 9, Hoá 9, KHTN, LS&ĐL 6,7,8.

Trên đây là kế hoạch kiểm tra cuối học kỳ II năm học 2023-2024, kính đề nghị các tổ, bộ phận và giáo viên triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc cần báo cáo về ban giám hiệu để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- PGDĐT (báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (chỉ đạo);
- Các tổ, bộ phận, giáo viên (thực hiện);
- Lưu VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Khâm

Phụ lục
MỨC ĐỘ NHẬN THỨC, TỈ LỆ ĐIỂM CÁC PHẦN CỦA CÁC MÔN HỌC
ĐÁNH GIÁ BẰNG NHẬN XÉT KẾT HỢP ĐIỂM SỐ
(Kèm theo Kế hoạch số: 13/KH-LQĐ ngày 09/4/2024 của Trường THCS Lê Quý Đôn)

1. Mức độ nhận thức

- Môn Toán: Nhận biết: 30% đến 40%; thông hiểu: 30% đến 40%; vận dụng: 20% đến 30%; vận dụng cao: khoảng 10%.
- Các môn còn lại, theo tỉ lệ: Nhận biết: 40%; thông hiểu: 30%; vận dụng: 20%; vận dụng cao: 10%.

2. Tỉ lệ điểm các phần

Môn	Tỉ lệ điểm phần TNKQ	Tỉ lệ điểm phần tự luận	Ghi chú
Toán	30%	70%	
Tin học	50%	50%	
GDCD	30%	70%	Tùy theo tình hình giáo viên có thể điều chỉnh tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận tương ứng là 40%:60% hoặc 50%:50%
KHTN lớp 6,7,8	40%	60%	Tùy theo tình hình giáo viên có thể điều chỉnh tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận tương ứng là 30%:70% hoặc 50%:50%
Lịch sử và Địa lí lớp 6,7,8	40%	60%	Tùy theo tình hình giáo viên có thể điều chỉnh tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận tương ứng là 30%:70% hoặc 50%:50%
Công nghệ	50%	50%	Tùy theo tình hình giáo viên có thể điều chỉnh tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận tương ứng là 30%:70% hoặc 40%:60%
Lịch sử 9, Địa lý 9	40%	60%	Tùy theo tình hình giáo viên có thể điều chỉnh tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận tương ứng là 30%:70% hoặc 50%:50%
Vật lý 9, Hóa học 9, Sinh học 9	40%	60%	Tùy theo tình hình giáo viên có thể điều chỉnh tỉ lệ trắc nghiệm và tự luận tương ứng là 30%:70% hoặc 50%:50%

**PHÂN CÔNG XÂY DỰNG MATRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA CUỐI KÌ II - NĂM HỌC 2023-2024**

(Kèm theo Kế hoạch số: 13/KH-LQĐ ngày 09/4/2024 của Trường THCS Lê Quý Đôn)

TT	Môn/lớp	Giáo viên ra ma trận, bản đặc tả, đề và hướng dẫn chấm	
01	Toán khối 6	Võ Uyên Kiều Bùi Thị Thu Sương	
02	Toán khối 7	Lê Văn Cường Lê Thị Hạnh	
03	Toán khối 8	Huỳnh Quang Duy Nguyễn Thị Thanh Thúy	
04	Toán khối 9	Nguyễn Hữu Hùng Nguyễn Quang Nghĩa	
05	Tin khối 6	Mai Thị Thu Ba	
06	Tin khối 7	Đặng Thị Mỹ Hà	
07	Tin khối 8	Đoàn Thị Hải	
08	Tin khối 9	Đoàn Thị Minh Hoàng	
09	Ngữ văn khối 6	Phan Thị Tư Nguyễn Hữu Ánh Nguyễn Thị Anh	
10	Ngữ văn khối 7	Nguyễn Thị Ái Diễm Phan Thị Hường Nguyễn Thị Anh Lê Thị Hồng Lan	
11	Ngữ văn khối 8	Nguyễn Thị Ái Diễm Võ Thị Thu Nguyễn Hữu Ánh	
12	Ngữ văn khối 9	Phan Thị Hường Vương Thị Yên Lê Thị Xuân	
13	Tiếng Anh 6	Nguyễn Thị Cẩm Hà Cao Thị Hoa	
14	Tiếng Anh 7	Trần Thị Hồng Lương Thị Bích Thuận	
15	Tiếng Anh 8	Lê Thị Tường Nguyễn Thị Cẩm Hà	
16	Tiếng Anh 9	Nguyễn Đức Sự Lương Thị Bích Thuận	
17	KHTN khối 6	Vật lí	Võ Thị Sương
		Sinh học	Nguyễn Thị Kiều Thu
18	KHTN khối 7	Vật lí	Trương Thị Phương Dung

19	KHTN khối 8	Hóa	Phan Thị Dương Hà
		Sinh học	Nguyễn Thị Thành
		Vật lí	Võ Thị Ngọc
		Hóa	Phan Thị Trường Chinh
		Sinh học	Phan Thị Ái Vân
20	Vật lí khối 9		Trương Thị Phương Dung
21	Hóa khối 9		Phan Thị Dương Hà Lê Thị Xuân Hoa
22	Sinh khối 9		Nguyễn Thị Thành Đặng Văn Mai
23	Lịch sử&Địa lí khối 6		Nguyễn Thị Hoa
24	Lịch sử&Địa lí khối 7		Lê Thị Kiều Oanh
25	Lịch sử&Địa lí khối 8		Nguyễn Thảo Ly
26	Lịch sử khối 9		Phan Thị Ái Nghĩa
27	Địa lí khối 9		Nguyễn Minh Thắng
28	GDCD khối 6		Cao Thị Hoa Nguyễn Đức Sự
29	GDCD khối 7		Trần Thị Hồng Lê Thị Hạnh Bùi Thị Thu Sương
30	GDCD khối 8		Lê Thị Tường Võ Thị Sương
31	GDCD khối 9		Nguyễn Văn Bình Phan Thị Ái Vân
32	GDDP khối 6		Phan Thị Trường Chinh
33	GDDP khối 7		Nguyễn Phạm Minh Trang
34	GDDP khối 8		Võ Thị Ngọc
35	Công nghệ khối 6		Đặng Văn Mai
36	Công nghệ khối 7		Phan Thị Dương Hà
37	Công nghệ khối 8		Ông Thùy Trinh
38	Công nghệ khối 9		Trần Văn Luật
39	Mĩ thuật khối 6, 8		Trương Thị Hoàng Hoa
40	Mĩ Thuật khối 7, 9		Nguyễn Thị Xuân Liễu
41	Âm nhạc khối 6, 8		Trương Thị Thu Hà
42	Âm nhạc khối 7, 9		Nguyễn Phạm Minh Trang
43	HD TN-HN khối 6		Trương Thị Thu Hà Nguyễn Văn Bình GVCN 6
44	HD TN-HN khối 7		Nguyễn Thị Xuân Liễu Nguyễn Văn Bình GVCN 7
45	HD TN-HN khối 8		Võ Thị Thu Nguyễn Văn Bình GVCN 8

PHỤ LỤC LỊCH KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Kế hoạch số 13/KH-LQĐ ngày 09/4/2024 của Trường THCS Lê Quý Đôn)

Thứ/ngày	Buổi	Khối lớp	Môn	Thời gian làm bài	Phát đề	Bắt đầu làm bài	Kết thúc
Thứ Năm 02/5/2024	Sáng	7	KHTN	60 phút	7 giờ 25'	7 giờ 30'	8 giờ 30'
		9	Hoá	45 phút	7 giờ 25'	7 giờ 30'	8 giờ 15'
		9	Công nghệ	45 phút	8 giờ 40'	8 giờ 45'	9 giờ 30'
	Chiều	6	KHTN	60 phút	13 giờ 25'	13 giờ 30'	14 giờ 30'
		8	KHTN	60 phút	13 giờ 25'	13 giờ 30'	14 giờ 30'
Thứ Sáu 03/5/2024	Sáng	7	Ngữ văn	90 phút	7 giờ 25'	7 giờ 30'	9 giờ 00'
		9	Ngữ văn	90 phút	7 giờ 25'	7 giờ 30'	9 giờ 00'
	Chiều	6	Ngữ văn	90 phút	13 giờ 25'	13 giờ 30'	15 giờ 00'
		8	Ngữ văn	90 phút	13 giờ 25'	13 giờ 30'	15 giờ 00'
Thứ Bảy 04/5/2024	Sáng	7	LS&ĐL	60 phút	7 giờ 25'	7 giờ 30'	8 giờ 30'
		7	Tin học	45 phút	8 giờ 55'	9 giờ 00'	9 giờ 45'
		9	Tiếng Anh	45 phút	7 giờ 25'	7 giờ 30'	8 giờ 15'
		9	Địa lí	45 phút	8 giờ 40'	8 giờ 45'	9 giờ 30'
	Chiều	8	LS&ĐL	60 phút	13 giờ 25'	13 giờ 30'	14 giờ 30'
		8	Tin học	45 phút	14 giờ 55'	15 giờ 00'	15 giờ 45'
		9	Kiểm tra kỹ năng nói môn Tiếng Anh lớp 9, mở bì đề lúc 13h25'				
Thứ Hai 06/5/2024	Sáng	7	Tiếng Anh	60 phút	7 giờ 25'	7 giờ 30'	8 giờ 30'
		7	Công nghệ	45 phút	8 giờ 55'	9 giờ 00'	9 giờ 45'
		9	Toán	90 phút	7 giờ 25'	7 giờ 30'	9 giờ 00'
		9	GDCD	45 phút	9 giờ 25'	9 giờ 30'	10 giờ 15'
	Chiều	6	Toán	90 phút	13 giờ 25'	13 giờ 30'	15 giờ 00'
		6	GDCD	45 phút	15 giờ 25'	15 giờ 30'	16 giờ 15'
		7	Kiểm tra kỹ năng nói môn Tiếng Anh lớp 7, mở bì đề lúc 13h25'				
Thứ Ba 07/5/2024	Sáng	8	Tiếng Anh	60 phút	7 giờ 25'	7giờ 30'	8giờ 30'
		8	Công nghệ	45 phút	8 giờ 55'	9 giờ 00'	9 giờ 45'
		9	Vật lí	45 phút	7 giờ 25'	7 giờ 30'	8 giờ 15'
		9	Lịch sử	45 phút	8 giờ 40'	8 giờ 45'	9 giờ 30'
	Chiều	6	LS&ĐL	60 phút	13 giờ 25'	13 giờ 30'	14 giờ 30'
		6	Tin học	45 phút	14 giờ 55'	15 giờ 00'	15 giờ 45'
		8	Kiểm tra kỹ năng nói môn Tiếng Anh lớp 8, mở bì đề lúc 13h25'				
Thứ Tư 08/5/2024	Sáng	6	Tiếng Anh	60 phút	7 giờ 25'	7giờ 30'	8 giờ 30'
		6	Công nghệ	45 phút	8 giờ 55'	9 giờ 00'	9 giờ 45'
		7	Toán	90 phút	7 giờ 25'	7 giờ 30'	9 giờ 00'
		7	GDCD	45 phút	9 giờ 25'	9 giờ 30'	10 giờ 15'

	Chiều	9	Sinh học	45 phút	13 giờ 25'	13 giờ 30'	14 giờ 15'
		9	Tin học	45 phút	14 giờ 40'	14 giờ 45'	15 giờ 30'
		6	Kiểm tra kỹ năng nói môn Tiếng Anh lớp 6, mở bì đề lúc 13h25'				
Thứ Năm 09/5/2024	Sáng	8	Toán	90 phút	7 giờ 25'	7 giờ 30'	9 giờ 00'
		8	GDCD	45 phút	9 giờ 25'	9 giờ 30'	10 giờ 15'
	Chiều	Dạy học bình thường					
Thứ Sáu 10/5/2024	Dạy học bình thường						
Thứ Bảy 11/5/2024							